SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 10

GV: Lê Thị Hiệp

BÀI 2. VẺ ĐẸP CỦA THƠ CA

Thời gian thực hiện: 11 tiết

I.MỤC TIÊU

1.Năng lực

-Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản.

-Phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình.

-Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

-Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

-Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.

-Biết giới thiệu về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân).

2Phẩm chất

-Có tình yêu thơ ca, yêu cái đẹp

-Có ý thức tự giác trong các hoạt động của lớp học

-Biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến người khác.

A. ĐỌC

Tiết 12,13. Đọc hiểu văn bản1

CHÙM THƠ HAI–CƯ NHẬT BẢN

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I.MỤC TIÊU

1.Năng lực

- Nhận diện được hình thức thơ hai–cư.
- Nhận diện và phân tích được các giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ hai–cư: sức gợi của hình ảnh và của hình thức ngôn từ cô đọng, hàm súc.

- Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo thể hiện qua các văn bản.

- Nhận biết được sức sống, sự tác động và khả năng khơi gợi những rung động thẩm mĩ, nuôi dưỡng đời sống tâm hồn của thơ hai–cư.

2Phẩm chất: Có tình yêu đối với thơ ca.

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK Ngữ văn 10 kết nối tri thức với cuộc sống.
- Phiếu học tập.
- Bút màu, giấy A4, A0.
- Máy chiếu.

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Hs biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho Hs đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Hs tìm những câu ca dao, bài thơ ngắn đã học

+ Trình chiếu một số bức tranh thuỷ mặc.

+ Hs nhận xét về sức gợi của những bài thơ và bức tranh

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số Hs trả lời, Hs khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của Hs, trên cơ sở đó dẫn dắt Hs vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:

– Trong thơ, một trong những yếu tố quan trọng làm nên vẻ đẹp của thơ ca là sự hàm súc, đa nghĩa và giàu sức gợi của hình ảnh và ngôn ngữ thơ.

– Thơ hai–cư của Nhật Bản là một hình thức thơ ca cô đọng bật nhất thế giới nhưng lại có sức sống, sức hấp dẫn lâu bền, thường được ví như tranh thuỷ mặc của TQ.

2.HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1.1. Hướng dẫn học viên tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a) Mục tiêu:

– Nhận biết về đặc điểm của thể thơ hai–cư

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và Hs	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia Hs thành 2 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ: **Nhóm 1:** Dựa vào phần giới thiệu, hãy nêu những đặc điểm nổi bật của thơ hai–cư? **Nhóm 2:** Nêu tóm tắt về các nhà thơ hai–cư tiêu biểu **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hoạt động cá nhân và nhóm **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** Hs trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	**1. Tìm hiểu chung về thơ hai–cư** ***1.1. Thơ hai–cư*** – Hình thức cô đọng nhất của thơ ca thế giới Thường biểu hiện những rung cảm của con người trước thiên nhiên bằng những hình ảnh trong sáng, nhẹ nhàng nhưng cũng đậm tính tượng trưng. Bài thơ được cấu tứ quanh một phát hiện mang tính chất "bừng ngộ" về mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng, về sự tương thông đầy bí ẩn giữa thế giới và con người; thơ thiên về khơi gợi hơn là miêu tả và diễn giải. ***1.2. Một số tác giả tiêu biểu*** – Mát–chư–ô Ba–sô (Matsuo Basho, 1644 – 1694) là nhà thơ nổi tiếng của văn học Nhật. Ông có công lớn trong việc hoàn thiện thơ hai–cư, đưa nó trở thành thể thơ độc đáo nhất của Nhật Bản. – Chi–ô (1703 – 1775) là người đánh dấu sự hiện diện của các tác giả nữ trong truyền thống thơ hai–cư. Trước bà, thơ hai–cư của tác giả nữ thường bị coi thường và quên lãng. Bà đã trở thành một tiếng nói thơ ca độc đáo, được nhiều người yêu thích. – Cô–ba–y–a–si Ít–sa (Kobayashi Issa, 1763 – 1828) là nhà thơ kiêm tu sĩ Phật giáo. Ông còn là hoạ sĩ tài ba, nổi tiếng với những bức tranh có đề các bài thơ hai–cư do chính ông sáng tác.

2.2. Tìm hiểu văn bản

a) Mục tiêu: Hs cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật các bài thơ hai–cư tiêu biểu

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và Hs	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia Hs thành 6 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ: **Nhóm 1, 2:** Tìm hiểu Bài 1: Xác định mối quan hệ giữa hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba–sô với các yếu tố thời gian và không gian. Khoảnh khắc được thể hiện trong bài thơ của Ba–sô có thể khơi gợi những cảm xúc gì ở người đọc? –**Nhóm 3, 4:** Tìm hiểu Bài 2: Bài thơ của Chi–ô được triển khai xoay quanh phát hiện nào? Theo bạn, vì sao phát hiện này lại dẫn dắt nhân vật trữ tình sang "xin nước nhà bên"? Từ bài thơ của Chi–ô, hãy bình luận về ý nghĩa triết lí trong cách ứng xử của con người đối với thiên nhiên mà bài thơ gợi ra. **Nhóm 5, 6**: Tìm hiểu Bài 3: Từ những đặc điểm thường được liên hệ khi hình dung về "con ốc" và "núi Phu–gi", hãy nhận xét về tương quan giữa	**2. Đọc hiểu văn bản** ***Bài 1 (Ba–sô)*** *Trên cành khô* *cánh quạ đậu* *chiều thu* Hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba–sô là con quạ. Bài thơ thâu tóm một khoảng lặng của thế giới: một cánh quạ lặng lẽ trên một cành cây trụi lá trong khi chiều thu dần dần buông. Chỉ bằng vài ba nét chấm phá, bài thơ gợi ra một khung cảnh đơn sơ, tĩnh lặng, mọi thứ như đang trầm lắng lại. Ba–sô không diễn giải gì, dường như ông còn không áp đặt lên cảnh vật cảm xúc hay suy nghĩ của ông: ông chỉ làm hiện lên sự tương phản giữa "thân hình đen muội nhỏ bé của con quạ" với "bóng tối bao la vô định của buổi chiều hôm" (H.G. Henderson, *Hài cú nhập môn*). Trạng thái của con quạ cũng là trạng thái tự tại, không đuổi bắt cái gì cả, không vọng động bởi bất cứ cái gì bên ngoài. Bằng sự im lặng ấy, con quạ như đang chiêm ngắm sự u huyền (*yugen*) của vũ trụ. Bài thơ hai–cư của Ba–sô gợi sự tỉnh thức về ý nghĩa của những khoảng lặng trong đời sống. Những khoảng lặng là cần thiết để ta nhận ra chiều sâu, sự bí ẩn của thế giới ta đang sống.

hai hình ảnh này. Bạn cảm nhận như thế nào về hành trình "chậm rì" của con ốc trong bài thơ của Ít–sa? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hoạt động nhóm Hoàn thành nhiệm vụ trên Phiếu học tập **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** Hs trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	***2.2. Bài 2 (Chi–ô)*** *Ôi hoa triêu nhan* *Dây gàu vương hoa bên giếng* *đành xin nước nhà bên.* – Hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Chi–ô (Chiyo) là dây hoa triêu nhan vương vào sợi dây gàu. Nếu hoa triêu nhan trong tư duy thẩm mĩ của người Nhật Bản là biểu tượng cho cái đẹp của thiên nhiên, ban sơ, thuần khiết, mong manh thì sợi dây gàu lại chỉ là một sự vật đời thường, xù xì, thô ráp, vốn chỉ mang chức năng thực dụng: (để người ta) múc nước. – Nhưng trong khoảnh khắc của buổi ban mai, con người nhận ra hoa với sợi dây gàu quấn quýt với nhau trong tương quan bạn bè. Sự quấn quýt này khiến dây gàu trở thành điểm tựa cho hoa và sự góp mặt của hoa đã làm mờ đi sự xù xì, thô ráp của sợi dây. Mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới không chia cắt với nhau như cách chúng ta vẫn hằng nghĩ. – Con người khi phát hiện tương quan đẹp đẽ đó giữa các sự vật thì cũng có cách ứng xử rất nhân văn: để hoa tiếp tục vướng vít bên sợi dây gàu, mình sang xin nước nhà bên. Đó cũng là cách để người với người kết nối, làm bạn với nhau. Bài thơ gợi ra một cách ứng xử đầy nâng niu, trân trọng đối với tạo vật trong đời sống. ***2.3. Bài 3 (Ít–sa)*** *Chậm rì, chậm rì* *kìa con ốc nhỏ* *trèo núi Phu–gi (Fuji).* – Bài thơ của Ít–sa (Issa) xoay quanh hình

	tượng của một con ốc nhỏ bé. Có thể nhìn thấy nhiều sự tương phản trong bài thơ rất đỗi đơn sơ này: con ốc thì nhỏ, ngọn núi thì lớn; con ốc thì chậm rì, hành trình nó theo đuổi thì dài; con ốc thì chỉ là một sinh vật nhỏ bé, bình thường, ngọn núi lại là một biểu tượng kì vĩ. – Nhưng cái chậm rì của con ốc trong bài thơ của Ít–sa chính là sự phản ảnh cảm thức thanh thoát (*karumi*): con ốc ung dung, tự tại trong hành trình của mình. Hành trình nó theo đuổi có thể không đạt đến được nhưng bản thân việc theo đuổi hành trình ấy làm nó có sự tự do trong tinh thần. Cái tự do tinh thần ấy cũng là thứ quý giá nhất mà đời người cần phải hướng tới.

2. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Hs viết đoạn văn trình bày về điều bạn cảm thấy thú vị nhất ở thể thơ hai–cư.

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và Hs	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu Hs thực hiện nhiệm vụ luyện tập **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hoạt động cá nhân: **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** Hs trình bày kết quả GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**	**3. Viết đoạn văn:** Ghi lại những ấn tượng, cảm xúc của mình về một bài thơ hai–cư cụ thể hoặc về thể thơ hai–cư nói chung. – Cảm nhận được vì sao hình thức thơ tối giản này lại có sức hấp dẫn lớn. Thích thú với những hình thức cô đọng, dồn nén, nhiều sức gợi của thơ ca.

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	

Tiết :14.VB 4 **THU HỨNG (CẢM XÚC MÙA THU)**

ĐỖ PHỦ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- **HS ghi nhớ** một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối)
- **HS tìm hiểu và ghi nhớ** một số nét chính về tác giả và tác phẩm
- **HS mô tả** một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối) được thể hiện trong bài thơ Thu hứng

HSphân tích và **cảm nhận** được

- + Hình ảnh và từ ngữ gợi không khí mùa thu trong 4 câu đầu bài thơ
- + Nhân vật trữ tình được thể hiện qua câu số 5 và 6 của bài thơ
- + Khung cảnh sinh hoạt của con người ở hai câu kết bài thơ

2. Về năng lực

- **HS vận dụng** năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại
- **HS vận dụng** năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc

3. Về phẩm chất: HS thể hiện được tinh thần nhân đạo, đồng cảm với nỗi đau, số phận con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học **b. Nội dung thực hiện**: GV đặt vấn đề: Hãy nêu ít nhất 01 cảm nhất hoặc ấn tượng của con về mùa thu? Đối với những bạn chưa từng có kỉ niệm trải qua mùa thu, vậy mùa thu trong con được hình dung và cảm nhận như thế nào? HS suy nghĩ và trình bày các trải nghiệm của cá nhân	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên đặt câu hỏi **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS theo dõi và trả lời câu hỏi **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ **Bước 4. Kết luận,**	***GV dẫn dắt vào bài học*** ***Nhà thơ Đỗ Phủ với những cảm hứng về mùa thu, mùa thu của Đỗ Phủ không chỉ đẹp mà còn gợi buồn.***

nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.		Đường luật và chỉ ra những đặc điểm đó trong bài Thu hứng	thiên nhiên, thích xa lánh việc đời, tư tưởng Lão Trang Hướng về Phật giáo, xa lánh đời nhưng vẫn còn gần nhân thế
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI **a. Mục tiêu hoạt động**: **Học sinh ghi nhớ** một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối) **Học sinh tìm hiểu và ghi nhớ** một số nét chính về tác giả và tác phẩm **Học sinh mô tả** một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối) được thể hiện trong bài thơ Thu hứng **Học sinh đối chiếu** được hai bản dịch thơ (thông qua bản dịch nghĩa) và **chỉ ra** chỗ dịch thơ chưa diễn đạt được sắc thái và ý nghĩa của nguyên văn **b. Nội dung thực hiện:** Học sinh thực hành thảo luận nhóm để tìm hiểu về thơ Đường, thơ Đường luật và tác giả, tác phẩm qua phiếu học tập		**Nhiệm vụ 2.** HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS tra cứu thông tin và hoàn thành phiếu với nguyên văn **Thời gian:** 10 phút **Chia sẻ:** 3 phút **Phản biện và trao đổi:** 2 HS **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** HS chia sẻ bài làm và bổ sung phần tìm hiểu **Bước 4. Kết luận, nhận định**	**+ Cấu trúc bố cục** Đề - Thực – Luận – Kết: Bố cục giao nhiệm vụ cho mỗi phần Khai – Thừa – Chuyển – Hợp: Chỉ ra mối quan hệ liên tục giữa bốn phần **+ Luật** Là cách sắp đặt tiếng bằng tiếng trắc trong các câu của một bài thơ Luật được bắt đầu bằng âm thanh của chữ thứ hai của câu thứ nhất. Nếu chữ thứ hai là thanh bằng thì gọi bài thơ luật bằng. Chữ thứ hai là thanh trắc thì gọi là bài thơ luật trắc. **+ Niêm** Là sự liên lạc về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ Đường luật. Hai câu thơ niêm với nhau khi nào chữ thứ hai của hai câu cùng theo một luật, hoặc là cùng bằng hoặc cùng trắc, bằng niêm bằng, trắc niêm trắc **+ Đối** Đối là đặt hai câu đi song đôi cho ý với chữ trong hai câu ấy căn xứng với nhau (Đối tương phản hoặc tương hỗ) Đối ý là tìm hai câu có ý tưởng cân nhau mà đặt thành hai câu song nhau Đối chữ thì vừa phải đối thanh tức là
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về thể thơ và những nét chính về tác giả, tác phẩm **Nhiệm vụ 1.** HS tìm hiểu về thơ	**I.Đặc trưng thơ Đường luật** **- Khái niệm thơ Đường luật** Đường luật hay còn gọi là thơ cận thể, là thể thơ cách luật, ngũ ngôn hoặc thất ngôn được đặt ra từ thời Đường ở Trung Quốc. (*Từ điển thuật ngữ Văn học*) **- Một số đặc trưng cơ bản** + **Cảm hứng chủ đạo** Thơ u hoài về thế sự, nặng niềm ưu tư xã hội, đó là cảm hứng của nhà Nho. Hướng về tư tưởng Đạo giáo yêu		

	B – T, T - B, vừa phải đối loại của chữ nghĩa, hai chữ tương tự loại (cùng danh, cùng động,…) **+ Vần – Vận** Vần (Chữ Nho là vận) là những tiếng thanh âm hòa hiệp đặt vào hai hoặc nhiều câu văn để hưởng ứng nhau. Thơ Đường luật chỉ gieo một vần là vần bằng (bình), hiếm khi gieo vần trắc. Gieo vần vào chữ cuối của câu 1, 2, 4, 6 và 8. (ngoại lệ: riêng chữ cuối của câu 1 ngũ ngôn bát cú có thể không cần gieo vần cũng được). **II. Những nét chính về tác giả, tác phẩm** **a. Tác giả** - Đỗ Phủ, tự là Tử Mỹ, sau còn gọi là Thiếu Lăng, quê tỉnh Hà Nam, ông nội là một nhà thơ có tiếng thời Sơ Đường (Đỗ Thẩm Ngôn). Bố ông từng giữ chức Tư Mã. Hồ Chủ tịch đã từng gọi ông là "***một người làm thơ nổi tiếng đời nhà Đường***" (Di chúc) - Phần lớn là những bài thơ trực tiếp lên án giai cấp thống trị và phản ánh sâu sắc đời sống cực khổ của nhân dân, đặc biệt là những tai họa của chiến tranh, cuộc sống bất công giữa hai giai cấp đối lập - Nghệ thuật thơ Đỗ Phủ vô cùng phong phú và của phương pháp nghệ thuật đặc sắc	**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập** Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm để HS tìm hiểu về bối cảnh lịch sử và	yêu nước yêu dân và tinh thần phản kháng ngun ngút trong thơ. Ông được gọi là "thánh thơ" (bậc thánh trong thơ), là "***thi sử***" (viết sử bằng thơ). Ngay đời nhà Đường, thơ ông đã được coi là tấm gương sáng, là một ngọn cờ và còn ảnh hưởng mãi đến mai sau. Nguyễn Du sùng bái Đỗ Phủ là "***thiên cổ văn chương, thiên cổ sư***". **b. Tác phẩm** - **Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được viết trong thời gian Đỗ Phủ cùng gia đình đi chạy nạn ở Quỳ Châu (Nay thuộc Tứ Xuyên) (766). Là bài thứ nhất nằm trong chùm thơ Thu hứng (8 bài). - **Thể thơ**: Thất ngôn bát cú Đường luật. - **Bố cục**: 2 phần + 4 câu đầu (tiền giải): tả cảnh mùa thu ở Quỳ Châu + 4 câu sau (hậu giải): khung cảnh sinh hoạt của người dân và nỗi lòng của nhà thơ
			II. Đọc hiểu văn bản **1. Không khí mùa thu trong 4 câu thơ đầu** - **Hình ảnh**: + *Ngọc lộ*: Sương long lanh như ngọc + *Điêu thương*: Héo tàn, tiêu điều,

của bài thơ

Nhóm 1. Đọc chú giải và toàn bộ bài thơ, hãy viết HAI đoạn văn ngắn nêu cảm nhận chung về toàn bài thơ sao cho HAI ĐOẠN VĂN có nội dung khác nhau

Nhóm 2. Đọc chú giải và 4 câu đầu bài thơ

Bức tranh mùa thu hiện lên qua những chi tiết nào? Con hãy khắc họa bằng đường nét (vẽ), chú thích một số cách hiểu và cảm nhận của con

Nhóm 3. Đọc chú giải và 4 câu thơ sau

HS hãy nêu cảm nhận của con về nỗi lòng của nhà thơ. Theo con nỗi lòng đó thể hiện điều gì? Hay thu âm một đoạn podcast để nêu cảm nhận của

tan tác

+ *Phong thụ lâm*: Cây phong rừng, cây thân gỗ lớn nở mùa xuân, mùa thu

➔**Li biệt, tan thương, điêu tàn**

- **Không gian**:

+ Vu Sơn, Vu Giáp, Đường Giáp, Vu Giáp và Tây Lăng Giáp: Vu Giáp hổn tiếng hơn cả

+ "*Suốt cả vùng Tương giáp, Từ Đường giáp, Tây Lăng giáp đôi bờ bảy trăm dặm, núi liên tuyệt đối không dọc sinh khói trong lành. Vách đá điệp trùng che khuất bao giờ thấy nắng mặt trời, cũng như bóng cây rừng*"

➔**Rộng lớn, đa chiều**:

chiều rộng, chiều sâu

- **Không khí**: Khính lặng, quạnh quẽ; sâm: rừng sâu)

➔**Tiêu điều, li tán**

Nhận xét: Sự tiêu điều, hiu hắt, bi thương lan tỏa trong một buổi rừng núi.

- **Điểm nhìn**:

mình.

Nhóm 4. Đọc chú giải và toàn bộ bài thơ, chuyển lời thơ thơ Đường đã được học, cùng nhóm 1 và 2 đã sắp xếp theo bài Đường Giang của bài hành 3 vách nước

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Giáp, Vu Giáp hổn và hoàn thiện sản phẩm của mình

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện nhóm trình bày bài làm, khuất bao giờ thấy nắng

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt kiến thức, tổng hợp

+ Xoay ngược theo chiều dọc từ lòng sông lên trên trời cao (gần → xa)

+ Hình ảnh đối lập:

Giang gian (giữa lòng sông) ba lãng (sóng lớn, sóng nhỏ) kiêm thiên (trời) dung (vọt mạnh lên) ***Sóng vọt lên tận lưng trời*** (Thấp) (Cao)	Tái thượng (ở biên cương) phong vân(mây) tiếp (sà xuống) địa (mặt đất) âm (che lấp, bao phủ) ***Mây sa sầm xuống đến mặt đất*** (Cao) (Thấp)

Nhận xét: Cảnh thu chuyển động dữ dội (động từ mạnh) tạo nên bức tranh thu vừa hùng vĩ vừa bi tráng. Sự chuyển động và chao đảo của cảnh vật cũng là sự chao đảo của xã hội loạn lạc lúc bấy giờ. Lời thơ thể hiện nỗi lòng trước thời thế và tình cảm nhớ thương tuyệt vọng của nhà thơ

Tiểu kết: Cảnh sắc thu mang dấu ấn của vùng Quỳ Châu (vừa âm u, vừa hùng vĩ). Cảnh sắc ấy mang phong cách thơ Đỗ Phủ: trầm uất, bi tráng. Cảnh thu ấy chở nặng nỗi niềm lo lắng, bất an của nhà thơ về thế sự cuộc đời.

2. Tâm trạng và nỗi niềm của nhà

	thơ trong 2 câu thơ 5 và 6 ***Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ*** ***Cô chu nhất hệ cố viên tâm*** (*Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ* *Con thuyền buộc chặt mối tình nhà*) - **Tùng cúc – Hoa cúc; Lưỡng khai – hai lần nở; Tha nhật lệ - nước mắt ngày khác**: Đỗ Phủ từ Thành Đô chạy loạn đến Vân An, bị bệnh nên ở lại Vân An đến mùa xuân năm sau. Nhìn khóm cúc nở hoa, cảm nhận thời gian trôi nhanh, thấm thía nỗi cay đắng của quãng đời nay đây mai đó. Hoa – cũng có thể là cuộc sống tươi đẹp trong quá khứ. - **Cô chu – con thuyền cô độc; nhất hệ - buộc chặt; cố viên tâm – trái tim vườn xưa**: Cuộc đời trôi nổi lưu lạc, chỉ có con thuyền là phương tiện duy nhất để tác giả gửi niềm thương, nỗi nhớ về quê nhà - "Cúc" là hoa thu; "Con thuyền" là hình ảnh thường xuất hiện trong thơ Đỗ Phủ cuối đời (Mùa thu của cuộc đời), nó "chở" tâm tình mong được về quê của nhà thơ. Hai nhãn tự trong bài là "khai" (nở) và "hệ" (buộc): khai tha nhật lệ: mở ra … nước mắt, hệ cố viên tâm: buộc vào…trái tim. Cũng cần lưu ý thêm phó từ: lưỡng – nhất, lưỡng phiếm chỉ số nhiều, nở ra rồi lại nở, nở ra nước mắt. Lệ của hoa	hay lệ của con người đang khóc vì nỗi đau đớn nhớ nhà. Nhất là một mà cũng là hàm ý duy nhất, mãi mãi, chỉ một. + **Phép đối:** lưỡng (khai) của cúc và nhất (hệ) của tâm và chữ "hệ" (buộc chặt) càng khẳng định tình cảm sâu nặng đối với quê hương không bao giờ thay đổi Cố viên tâm:Vườn cũ ở Lạc Dương ➔ Nỗi nhớ quê Tràng An (kinh đô nhà Đường) ➔ Lòng yêu nước thầm kín - Cả câu là ẩn dụ: Ta cũng như con thuyền lẻ loi, cô độc một mình nơi đất khách chưa được về chốn cũ, vườn xưa. Việc đồng nhất giữa cảnh và người nhằm nói lên nỗi niềm đau đáu của kẻ tha hương, nặng tình nặng nghĩa với quê nhà **3. Cảnh sinh hoạt của con người trong 2 câu thơ 7 và 8** ***Hàn y xứ xứ thôi đao xích*** ***Bạch Đế thành cao cấp mộ châm*** (*Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước* *Thành Bạch, chày vang bóng ác tà*) - Sáu câu thơ đầu không có một âm thanh nào, bỗng rộn lên tiếng thước đo vải, tiếng dao cắt vải, tiếng chày đập vải may áo rét. Đây cũng là âm thanh đặc thù của mùa thu Trung Quốc xưa – may áo chống rét cho

	người đang chinh chiến nơi xa xôi. Loạn Lộc Sơn nhưng cuộc sống vẫn chưa được yên bình, bao người vẫn đang ở cảnh xa cách. Trời đã tối, chỉ còn nghe tiếng chày, tiếng dao kéo cắt vải, lòng mình mỗi nhớ người thân…. - Hai câu kết cho thấy được góc nhìn từ ngoại cảnh đến tâm cảnh + Ngoại cảnh: Hàng (mọi nơi) xứ xứ (mọi nơi) thôi đao xích (dao thước để may áo). Bạch Đế thành (thành phố Bạch Đế) cao cấp mấy chân giặt quần áo, tiếng dập thay giặt áo) + Tâm cảnh: Hai câu luận: Cô đơn lẻ bóng. Hai câu kết: Vui tươi, ấm áp, hàn là lạnh nhưng lại cảm nhận thấy sự sum vầy, ấm áp. Tuôn rơi nước mắt, ước vọng được trở về quê, nhớ quê da diết	Hiểu sinh thực hiện Ai sẽ viết kết nối đọc **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh cùng nhau phần bài làm của mình thấy được góc **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chốt lại các ý để hoàn thiện	hai thể tiêu biểu là thơ thất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú. Thơ hai-cư và thơ Đường luật đều là những thể thơ ngắn gọn và thường viết về những cảm xúc của con người trước hình ảnh thiên nhiên. Thơ hai-cư với những dòng thơ ngắn gọn chỉ từ ba đến bảy chữ tả cảnh thiên nhiên trong sáng, nhẹ nhàng và từ cảnh thiên nhiên gợi lên những rung động, cảm xúc của nhân vật trữ tình. Nhà thơ Ba-sô, một thi sĩ nổi tiếng của văn học Nhật Bản đã viết ra bài thơ hai-cư miêu tả hình ảnh cành cây khô hay con quạ đen vào mùa thu. Hình ảnh tuy giản dị nhưng lại mang theo mỗi niềm tâm trạng của nhà thơ trước cảnh đẹp thiên nhiên. Còn thơ Đường luật cũng là thể thơ ngắn gọn với mỗi câu chỉ bảy chữ như bài thơ Thu hứng (Cảm xúc mùa thu) của Đỗ Phủ tả cảnh mà chan chứa nỗi niềm tâm sự. Từ cảnh thiên nhiên núi non, bầu trời mùa thu cùng với cảnh sinh hoạt làng quê chuẩn bị đón đông đến, người đọc cũng cảm nhận được nỗi niềm tâm sự, nỗi mong nhớ được về thăm quê của tác giả. Hai thể thơ tuy đến từ hai đất nước khác nhau những điểm tương đồng của chúng đều là tả cảnh thiên nhiên để gợi nên nỗi niềm.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP –VẬN DỤNG **a. Mục tiêu hoạt động:** Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc về yếu tố làm nên sức hấp dẫn của thơ Đường luật và thơ Hai - cư **b. Nội dung thực hiện** HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV			
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**	**Bài làm mẫu** Thơ hai-cư là thể thơ ngắn nhất thế giới và cũng là thể thơ truyền thống có vị trí quan trong trong văn chương Nhật Bản. Thơ Đường luật là thể thơ xuất phát từ Trung Quốc, thường có		

Tiết 15,16

MÙA XUÂN CHÍN – Hàn Mặc Tử

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I.MỤC TIÊU

1.Năng lực

Nhận diện và phân tích được giá trị thẩm mĩ của yếu tố nghệ thuật ngôn từ trong thơ bao gồm: nhịp điệu, nhạc điệu, các cách kết hợp từ ngữ độc đáo.

Hình thành được khái niệm về thơ hiện đại trong sự phân biệt với thơ ca cổ điển đã giới thiệu trước đó.

Biết liên hệ, so sánh các tác phẩm văn học thuộc các truyền thống, các thời kì văn hoá khác nhau.

2.Phẩm chất: Hình thành được khả năng đồng cảm với thế giới cảm xúc của con ngư

III.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phiếu học tập

- Bút màu, giấy A4, A0

- Máy chiếu

IV TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Đọc những câu thơ về mùa xuân

+ Nhận xét về những câu thơ viết về mùa xuân

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức

– Các bài thơ về mùa xuân đã thể hiện vẻ đẹp của mùa xuân và những rung động tinh tế của nhà thơ.

– Với Mùa xuân chin, chúng ta sẽ hiểu thêm về đặc trưng tổ chức ngôn từ của thơ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Hướng dẫn học viên tìm hiểu chung về tác giả Hàn Mặc Tử và phong trào thơ Mới

a) Mục tiêu:

– Hiểu về cuộc đời và những sáng tác tiêu biểu của Hàn Mặc Tử

– Hiểu một số đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của thơ Mới.

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia HS thành 2 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:	**1. Hàn Mặc tử và phong trào thơ Mới** ***1.1. Hàn Mặc Tử*** – Hàn Mặc Tử (1912 – 1940) tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí, sinh ra ở

Nhóm 1: Tìm hiểu về tác giả Hàn Mặc Tử **Nhóm 2:** Tìm hiểu về phong trào thơ Mới. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hoạt động cá nhân: **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** HS trả lời câu hỏi. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	huyện Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Năm 18 tuổi, ông theo gia đình vào sống tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Hàn Mặc Tử qua đời trong lúc trị bệnh phong tại nhà thương Quy Hoà. Hàn Mặc Tử sáng tác với nhiều bút danh như Lệ Thanh, Phong Trần, Minh Duệ Thị,... Ông là một đại diện độc đáo của phong trào Thơ mới, là nhân vật trụ cột của Trường thơ Loạn Bình Định – **một nhóm** thi sĩ cùng chia sẻ nhiều quan điểm thẩm mĩ táo bạo, bao gồm Chế Lan Viên, Quách Tấn, Yến Lan, Bích Khê, Hoàng Diệp,... Thơ Hàn Mặc Tử bộc lộ một thế giới nội tâm mãnh liệt với những cung bậc cảm xúc được đẩy đến tột cùng. Ngôn ngữ thơ của ông giàu cảm giác mạnh với nhiều hình ảnh độc đáo, thể hiện trí tưởng tượng phóng khoáng, thậm chí dị kì. Một số tập thơ tiêu biểu của Hàn Mặc Tử: Gái quê (1936), Thơ Hàn Mặc Tử (1942), Chơi giữa mùa trăng (thơ không vần, 1944),... ***1.2. Về phong trào thơ Mới:*** – Về mặt nội dung, Thơ mới bộc lộ những tình cảm, cảm xúc cá nhân cũng như ý thức cá tính của con người với nhiều biểu hiện đa dạng, độc đáo. – Về mặt hình thức, Thơ mới là sự đột phá mạnh mẽ khỏi những nguyên tắc thi pháp chi phối mười thế kỉ thơ trung đại Việt Nam. Bài thơ được tổ chức theo

	dòng chảy tự nhiên của cảm xúc thay vì theo mô hình luật thơ đã định sẵn từ trước. Câu thơ và các phương thức gieo vần, ngắt nhịp, tạo nhạc điệu trở nên linh hoạt, tự do hơn. Hình ảnh thơ thể hiện rõ nét dấu ấn chủ quan trong cách nhà thơ quan sát, cảm nhận và tưởng tượng về thế giới.

2.2. Hướng dẫn Hs đọc hiểu văn bản

a) Mục tiêu: Hs cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật bài thơ *Mùa xuân chín*

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia HS thành 8 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ: **Nhóm 1, 2:** Tìm hiểu về nhan đề *Mùa xuân chín;* trạng thái "chín" của mùa xuân được thể hiện như thế nào trong bài thơ. **Nhóm 3, 4:** Cảm nhận về hình ảnh thiên nhiên và con người thể hiện ở trong bài thơ **Nhóm 5, 6**: Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ. **Nhóm 7, 8**: Cảm nhận về nhân vật trữ tình trong bài thơ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hoạt động nhóm Hoàn thành nhiệm vụ trên Phiếu	**2. Đọc hiểu văn bản** ***Nhan đề "Mùa xuân chín" và những cảm nhận về sắc thái "chín" của mùa xuân:*** – Nhan đề *Mùa xuân chín* được cấu tạo bởi từ "mùa xuân" (danh từ) và "chín" (động từ trạng thái). Từ "chín" ở đây làm ta liên tưởng đến trạng thái lí tưởng của mọi sự vật, hiện tượng trong khung cảnh mùa xuân: sắc xuân rực rỡ, sức xuân dồi dào, con người và cảnh vật đều tràn đầy sức sống, đều giao hoà mãnh liệt với nhau. Mặt khác, nó cũng có thể gợi ra suy nghĩ: trạng thái lí tưởng này không phải là vĩnh cửu, khi mọi sự vật đạt đến độ đẹp nhất cũng có nghĩa là nó giáp ranh với sự phôi pha, phai nhạt. Trạng thái "chín" của mùa xuân trong bài thơ được cụ thể hoá bằng hàng loạt từ ngữ chỉ màu sắc, chỉ trạng thái vận động của các

học tập **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** HS trả lời câu hỏi. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	sự vật, hiện tượng rất giàu tính hình tượng và đậm cảm giác, rất khác so với bảng màu trung tính và cách tạo hình thiên về xu hướng tĩnh tại hoá, vĩnh cửu hoá trong thơ trung đại. đắm. ***Hình ảnh thiên nhiên và con người trong bức tranh mùa xuân*** Màu sắc trong bức tranh mùa xuân ở đây luôn được sắc thái hoá một cách rất cụ thể: "nắng ửng", "lấm tấm vàng", "áo biếc"; các trạng thái vận động bên ngoài và bên trong thế giới tinh thần của con người cũng được khắc hoạ sống động thông qua các động từ: "vắt vẻo", "hổn hển", "thầm thĩ",... Tất cả gợi lên không khí mùa xuân rạo rực, say ***Cách sử dụng ngôn ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ*** Hình ảnh, nhịp và vần tương ứng với sự vận động trong mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, vừa hoà mình vào thiên nhiên, nâng niu, trân trọng vẻ đẹp bình dị mà tràn đầy sức sống của tạo vật, của con người, lại vừa có những khoảnh khắc tách khỏi đối tượng quan sát của mình để ưu tư, trắc ẩn. Giọng điệu của bài thơ, vì thế, khi tha thiết, say sưa, nhưng cũng có khi lắng lại, trầm lại, vừa điềm tĩnh, vừa trắc ẩn. ***2.4. Nhân vật trữ tình trong bài thơ*** Nhân vật trữ tình của bài thơ không chỉ là m người nhạy cảm với sự sống, giao cảm v cuộc đời mà còn là một chủ thể biết suy t biết lo âu. Ngay khi mọi thứ đang ở độ vi mãn, lí tưởng như vậy, nhân vật trữ tình gợn lên nỗi u hoài về một viễn cảnh phai t

của đời sống sau khi đạt đến trạng thái "chín Ngay khi đang lắng nghe tiếng hát thanh xu của những cô thôn nữ, nhân vật trữ tình đã l sực nhớ đến người chị nhọc nhằn, lầm lụi, h năm nào cũng đã từng có một thời con gái tư trẻ. Cảm nhận được cái phù du, thoáng ch của mọi vẻ đẹp ở cuộc đời nhưng không vì t mà phủ nhận chúng, cảm nhận được cái h hoan của đời người chỉ là khoảnh khắc, c nhọc nhằn của kiếp người mới là trạng th mòn mỏi, dài lâu, nhưng không vì thế khô xúc động trước cái vui của nhân gian và đ biệt, càng không quên cái khốn khó của đ sống.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS viết đoạn văn 10–15 dòng trình bày về điều bạn cảm thấy thú vị nhất ở bài thơ.

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ luyện tập **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hoạt động cá nhân: **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** HS báo cáo về sản phẩm học tập. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	**3. Viết đoạn văn:** – Ghi lại những cảm nhận về một câu thơ hoặc một hình ảnh trong bài thơ *Mùa xuân chín* của Hàn Mặc Tử gợi cho bạn nhiều ấn tượng và cảm xúc.

TIẾT 17. VĂN BẢN 6

BẢN HÒA ÂM NGÔN TỪ TRONG "TIẾNG THU" CỦA LƯU TRỌNG LƯ

(Chu Văn Sơn)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

❖ **HS nêu** một số thông tin về tác giả và bài thơ; thông tin về nhà nghiên cứu

❖ **HS** cách triển khai bài viết trên hai bình diện "tiếng thu" và "tiếng thơ" được tác giả đề cập

HS nắm các thao tác lập luận được triển khai trong một bài phân tích thơ của nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn để làm nổi bật giả trị nghệ thuật và giá trị nội dung của tác phẩm

❖ **2. Về năng lực: HS vận dụng** năng lực ngôn ngữ để viết kết nối với đọc, nêu cảm nhận về sức hấp dẫn của một bài thơ

3. Về phẩm chất: Trân trọng và yêu vẻ đẹp của thơ nói riêng và vẻ đẹp thẩm mĩ của cuộc sống nói chung

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho HS về nội dung bài học **b. Nội dung thực hiện**: ❖ Chơi trò chơi: **TIẾP SỨC** ❖ GV đặt câu hỏi: Chia sẻ về những điều khó khăn và thú vị khi tiếp xúc một tác phẩm thơ	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi và giao nhiệm vụ ***Chia sẻ về những điều khó khăn và thú vị khi tiếp xúc một tác phẩm thơ***	**HS có thể chia sẻ** **- Khó khăn:** + Khó đoán được những ý nghĩa ẩn sau lớp ngôn từ tương đối ngắn gọn

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ và trả lời khi đến lượt **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Tìm hiểu về một bài phân tích những điều đặc sắc của một bài thơ và học hỏi cách phân tích một bài thơ.	+ Phát hiện về các âm điệu, ngôn từ + Nhiều từ ngữ mới mẻ, khó đoán nghĩa **- Thú vị:** + Sự hòa điệu giữa ngôn ngữ và âm nhạc, mĩ thuật (âm thanh, hình ảnh) + Nỗi niềm ẩn dấu sau những câu từ ngắn gọn, đẹp đẽ của tác giả.
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ❖ Học V tìm hiểu cách đọc hiểu một bài thơ qua hoạt động MẢNH GHÉP TRI THỨC ❖ Giáo viên chia lớp thành các nhóm, các nhóm hoàn thiện các thẻ nhiệm vụ có đánh số (có yếu tố phân hóa), hoàn thành xong thẻ theo lần lượt số thứ tự ❖ HS thảo luận và làm bài sau đó chia sẻ và rút ra kết luận cách đọc hiểu một bài thơ	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia lớp thành các nhóm, các nhóm hoàn thiện các thẻ nhiệm vụ có đánh số (có yếu tố phân hóa), hoàn thành xong thẻ theo lần lượt số thứ tự **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận và làm bài sau đó chia sẻ và rút ra kết luận cách đọc hiểu một bài thơ **Thời gian (chỉ tính thời gian thảo luận dự kiến)**: 20 phút **Chia sẻ (dự kiến)**: 15 phút **Phản biện và trao đổi chốt kiến thức**: 10 phút **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** HS chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức	**1. Một số thông tin về tác giả và bài thơ; thông tin về nhà nghiên cứu** **a. Tác giả: Lưu Trọng Lư** - Lưu Trọng Lư là người làng Cao Lao Hạ, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ông sinh trưởng trong một gia đình quan lại xuất thân nho học. Thuở nhỏ, ông học trường tỉnh, rồi học ở Huế (đến năm thứ 3 tại Quốc học Huế) và Hà Nội. Sau đó, ông bỏ học đi dạy tư, làm văn và làm báo để kiếm sống. ***Nhà phê bình – nghiên cứu văn học Chu Văn Sơn*** - Quê quán: Phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa - Giảng viên đại học Sư phạm Hà Nội 1. Bộ môn: Văn học hiện đại và đương đại **b. Tác phẩm: Tác phẩm: Tiếng thu** Rút trong tập "Tiếng thu" (1939) gồm 52 bài **2. Các bình diện của "tiếng thu" và "tiếng thơ" trong bài thơ của Lưu Trọng Lư** Trong văn bản, hai cụm từ "tiếng thu" và "tiếng thơ" được tác giả in hoa với dụng ý nhấn mạnh. Theo phân tích của tác

	giả Chu Văn Sơn, "tiếng thu" là những âm thanh mơ hồ, tinh tế của đất trời và của tâm hồn con người; "tiếng thơ" chính là hình thức của bài thơ, là tổ chức ngôn từ để làm sống dậy "tiếng thu", gây ấn tượng cho người đọc. Hay nói cách khác: "Tiếng thu" – Bình diện cảm xúc, nội dung còn "Tiếng thơ" – Bình diện hình thức, nghệ thuật cấu tạo nên "Tiếng thu" **3. Trình tự của bài viết và ý nghĩa "Tiếng thu" trong thơ Lưu Trọng Lư** - Trình tự của bài viết đi từ "tiếng thơ", tức đi từ phương diện dễ thu hút sự chú ý của người đọc ngay khi đọc bài thơ – nhạc tính của bài thơ. Tác giả phân tích các thủ pháp kiến tạo nhạc tính của bài thơ để từ đó, cho thấy nhạc tính ở đây chính là một phương diện hình thức mang tính nội dung khi nó là cách hiệu quả nhất để khơi dậy những liên tưởng về "tiếng thu". Cách tiếp cận bài thơ từ phương diện hình thức, vì thế, có sức thuyết phục bởi giá trị thẩm mĩ của một tác phẩm thơ ca toát lên từ chính hình thức cảm tính của nó. - Nhà thơ Lưu Trọng Lưu gọi tên tác phẩm của mình là Tiếng thu, nhưng trong đó, "tiếng thu" không còn mang tính khách quan nữa mà đã trở thành tiếng lòng của người sáng tạo, được phát ra nhờ sự cộng hưởng giữa con người và trời đất cùng các phương tiện ngôn từ được sử dụng. **4. Tính hợp lí trong cách tổ chức và triển khai ý tưởng trong bài viết** - Cách tổ chức và triển khai ý tưởng trong bài viết là rất hợp lí. Người phê bình cần phải bám sát văn bản được phê bình, thể hiện sự đồng cảm thấu hiểu với nhà thơ, tích cực làm cầu nối giữa văn bản và độc giả, giúp độc giả cảm nhận được nét độc đáo của văn bản Mở đầu gợi dẫn về "hồn thơ" và "hồn thu", bàn về cái "động" cái "tĩnh" trong thơ cổ điển và Thơ mới, bàn về âm điệu của bài thơ, cách sử dụng từ ngữ (từ láy, từ tượng thanh), âm hưởng bài thơ và cấu trúc của bài thơ

	5. Sự khác biệt trong miêu tả thiên nhiên của thơ cổ điển và Thơ mới. - Trong khi thơ cổ điển thiên về nắm bắt thế giới trong trạng thái tĩnh, làm nổi bật vẻ đẹp yên tĩnh, thanh vắng của thiên nhiên, qua đó, thể hiện một tâm thế an nhiên, tĩnh tại của thi nhân thời xưa thì Thơ mới làm nổi bật trạng thái "xôn xao" của thế giới. Cái "xôn xao" này, theo Chu Văn Sơn, là kết quả cộng hưởng của cái "xôn xao" của tạo vật, của ngoại cảnh với trạng thái tâm hồn của con người đang rung cảm trước thế giới. - Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt này là thời hiện đại cho phép con người cá nhân được giải phóng, thế giới cảm giác, cảm xúc của con người cũng được cởi trói. Nhà thơ không chỉ miêu tả thế giới mà còn phóng chiếu cảm giác, cảm xúc của mình vào trong bức tranh thế giới ấy. Họ muốn tái hiện thế giới trong trạng thái đang vận động, đang sinh thành chứ không phải một thế giới được ngưng kết lại thành vĩnh cửu. **6. Thao tác lập luận khi phân tích ngôn từ của bài thơ, có tác dụng trong việc làm nổi bật giá trị thẩm mĩ của bài thơ** - Các thao tác được sử dụng thường xuyên là thống kê, so sánh và đối lập (thống kê: số các tiết tấu và các âm bằng, trắc; số các cụm từ làm thành điệp khúc,...; so sánh và đối lập: số dòng trong các khổ, tính chất của các "tiếng" được thể hiện bằng các từ tượng thanh như thổn thức, rạo rực, xào xạc,…). Bằng việc phát huy thao tác so sánh và đối lập này, tác giả chứng minh được hiệu quả thẩm mĩ trong cách Lưu Trọng Lư tổ chức ngôn từ trong bài thơ. Chẳng hạn, khi chứng minh hiệu quả thẩm mĩ của từ láy "xào xạc", nhà phê bình đã so sánh nó với từ "xao xác" để thấy hai từ láy này như một nốt nhạc nhưng chơi ở hai cung khác nhau, một bên, trầm và đục, gợi ra sự âm u, huyền bí của rừng già còn một bên, đanh và cao, gợi ra tiếng lá quét mình trên đường

	phố,... - Việc cảm thụ giá trị của bài thơ cần phải bắt đầu từ việc nhận ra và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của ngôn từ thơ, nhưng để nhận ra giá trị thẩm mĩ đó của ngôn từ, không thể chỉ dựa vào những nhận xét đại khái, mang tính chất định tính. Luôn cần một sự khảo sát, thống kê kĩ lưỡng bởi mọi nhận xét đều phải được nêu lên trên nền một dữ kiện xác thực, chắc chắn. Bên cạnh đó, việc so sánh, đối chiếu giá trị biểu đạt của từng từ ngữ khác nhau có ý nghĩa rất quan trọng, vì trong sáng tác thơ, việc lựa chọn từ ngữ luôn có một ý nghĩa đặc biệt. **7. Xác định các yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của một bài thơ** Sự thống nhất, hài hoà giữa bình diện biểu đạt và bình diện được biểu đạt, giữa tổ chức ngôn từ và cái nhìn thế giới độc đáo. + Hình thức: Âm điệu, ngôn từ, âm hưởng, cấu trúc + Nội dung: Ý nghĩa cao đẹp về cuộc sống, sự sống hay các vẻ đẹp có giá trị thẩm mĩ cao
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG **a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để viết kết nối với đọc, nêu cảm nhận về sức hấp dẫn của một bài thơ **b. Nội dung thực hiện** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện bài viết kết nối đọc	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hiện viết kết nối đọc **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các	**GV và HS có thể tham khảo bài làm mẫu sau** Thơ là sản phẩm của sự sáng tạo nghệ thuật được coi là xuất hiện gần như sớm nhất trong đời sống của loài người. Đã có hàng ngàn định nghĩa nhưng chưa có một định nghĩa nào có thể diễn đạt được một cách toàn diện và sâu sắc về thơ. Do đó người ta hiểu rằng định nghĩa về thơ là rất khó. Chỉ có thể thừa nhận rằng thơ là thể loại tiêu biểu cho sự tinh tuý của nghệ thuật ngôn từ. Khi đọc một bài thơ bất kì, ta thường bị hấp dẫn bởi hình thức, nghệ thuật, rồi mới đến nội dung của

chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	bài thơ. Thơ là một sản phẩm của sáng tạo in đậm dấu ấn chủ quan của người làm thơ, do đó, khi đọc thơ cần chú ý những đóng góp riêng của tác giả bài thơ về tứ thơ, cảm hứng, tư tưởng. Nhưng các yếu tố quan trọng này lại được thể hiện qua những rung động, xúc cảm được diễn đạt bằng hình ảnh, nhịp điệu và ngôn ngữ. Cho nên, chỉ có thể bằng cách liên tưởng, đối chiếu, so sánh giữa bài thơ đang đọc với các bài thơ khác của chính tác giả; giữa thơ của tác giả với nhiều nhà thơ cùng thời hoặc trước đó cùng chung đề tài. Thí dụ: Đọc bài Đây mùa thu tới của Xuân Diệu trong sự liên tưởng so sánh với Thu ẩm của Nguyễn Khuyến, Cảm thu, Tiễn thu của Tản Đà hoặc so sánh giữa Đây mùa thu tới với Tiếng thu của Lưu Trọng Lư, Tỳ Bà của Bích Khê… Một bài thơ là một thế giới khép kín, muốn hiểu và làm chủ được thế giới ấy cần biết cách đi vào nó vào những thời điểm thích hợp. Đó là khi tâm hồn người đọc có nhu cầu chia sẻ, thưởng thức cái đẹp, hay đơn giản chỉ muốn thấu hiểu con người và cuộc đời.

TIẾT 18. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

LỖI DÙNG TỪ, LỖI VỀ TRẬT TỰ TỪ VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực: Vận dụng năng lực ngôn ngữ để phát hiện các lỗi sai và sửa lại cho đúng.

2. Về phẩm chất: Yêu Tiếng Việt và ý thức sử dụng từ chuẩn xác

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho HS về nội dung bài học **b. Nội dung thực hiện**:	

<table>
<tr><td colspan="2">❖ GV chiếu các đoạn trên báo chí, văn bản có sử dụng lỗi sai về dùng từ, trật tự từ gây hiểu lầm
❖ HS phát hiện và chỉ ra những điều chưa chính xác dễ gây hiểu lầm</td></tr>
<tr><td>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập
GV chiếu và cho HS đọc
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS suy nghĩ và trả lời
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
Bước 4. Kết luận, nhận định
Giáo viên dẫn dắt vào bài học</td><td>Gợi ý các đoạn ngữ liệu có thể sử dụng
Ngữ liệu 1. Trong bài Kiên quyết xử lý nếu trồng cây "nguyên bầu" là sai quy trình (Báo Hànộimới, ngày 16/6/2015), bài báo có tới 5 câu không có dấu chấm câu ở cuối câu, cuối đoạn.
Bài báo Nguyên Phó BTC Quận ủy Cầu Giấy lĩnh án 12 năm tù trên tờ Petrotimes lại có câu “Người bị truy tố về tội không tố giác tội phạm”. Thực ra, đây chưa phải là câu hoàn chỉnh theo chuẩn tiếng Việt, vì câu này thiếu vị ngữ; cụm từ “bị truy tố về tội không tố giác tội phạm” mới chỉ là định ngữ cho danh từ “người” chứ chưa thể là vị ngữ của câu. Có thể người viết định diễn đạt theo ý đây là thành phần chú thích cho câu trước đó “Trước khi tuyên án, Hội đồng xét xử tập trung làm rõ hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc Văn (Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại tổng hợp và kinh doanh bất động sản)”, nhưng khi viết, đáng lẽ ra phải dùng dấu phẩy thì lại dùng dấu chấm để tách câu dẫn đến sai ngữ pháp.

Ngữ liệu 2. “Sau khi kết thúc Đại hội điểm Ban Thường vụ tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm phát huy những việc làm tốt, chỉ ra những tồn tại cần khắc phục để rút kinh nghiệm cho các chi bộ, đảng bộ đại hội sau” (Tạo sự đồng thuận trong toàn Đảng bộ - báo Hànộimới, ngày 17/6/2015).
Người đọc có thể thắc mắc, không hiểu “rút kinh nghiệm phát huy” là gì, “tồn tại” là gì ? Hóa ra, người viết quên (?) đánh dấu phẩy sau từ “kinh nghiệm” nên đã tạo thành một cụm từ lạ, khó hiểu là “rút kinh nghiệm phát huy”; còn “tồn tại” là cái đang có, cái còn lại thì tác giả lại dùng theo nghĩa là hạn chế, nhược điểm.

Ngữ liệu 3. Trên Việt Nam Nét (dẫn theo Trí Thức Trẻ), ngày 9/6/2015, trong bài Lệ Rơi phản pháo Đàm Vĩnh Hưng, có câu “Mỗi người có một yếu điểm khác nhau và cái tài, cái duyên</td></tr>
</table>

	khác nhau". Ở đây, đáng lẽ dùng từ "điểm yếu" (hạn chế, nhược điểm, mặt yếu) thì tác giả lại dùng từ "yếu điểm" (điểm chính, điểm trọng yếu).
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI **a. Mục tiêu hoạt động**: **HS vận dụng** để tạo lập văn bản không mắc lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ **b. Nội dung thực hiện:** ❖ HS hành bài tập 1 và 2 trong sách giáo khoa phát hiện lỗi dùng từ	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập • Giáo viên giao bài tập • HS làm bài tập cá nhân **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hành làm bài tập 1,2 cá nhân **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức	**Hướng dẫn trả lời bài tập 1 và 2** **Bài tập 1: Hãy tìm lỗi dùng từ trong các câu sau và đưa ra cách sửa lỗi thích hợp:** *a. Nhà thơ Cô-ba-y-a-si Ít-sa là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thơ hai-cư Nhật Bản.* – Lỗi lặp từ, thừa một từ "nhà thơ". – Đề xuất phương án sửa: Cô-ba-y-a-si Ít-sa là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thơ hai-cư Nhật Bản. *b. Đề tài, chủ đề, cảm hứng cũng như nội dung của các bài thơ hai-cư rất đa dạng, khác nhau.* – Lỗi lặp từ đồng nghĩa. Đề tài, chủ đề, cảm hứng đều là các thuật ngữ được bao chứa trong "nội dung", trong khi đó "đa dạng" và "khác nhau" là hai từ đồng nghĩa. – Đề xuất phương án sửa: Đề tài, chủ đề, cảm hứng của các bài thơ hai-cư rất đa dạng. Nội dung của các bài thơ hai-cư rất đa dạng. *c. Bài thơ "Thu hứng" là một trong những thi phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ.* – Lỗi lặp từ đồng nghĩa. Bài thơ và thi phẩm là hai từ đồng nghĩa với nhau, trong trường hợp này chỉ nên dùng một từ. – Đề xuất phương án sửa: "Thu hứng" là một trong những bài thơ/ thi phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ. *d. Nhà thơ đã mượn trí tưởng tượng của mình để tái hiện bằng ngôn từ một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống.*

	– Lỗi dùng từ không đúng nghĩa. Từ mượn ở đây là từ không phù hợp, vì mượn thường gắn liền với những gì vốn thuộc về người khác, trong khi đó "trí tưởng tượng" lại là thứ vốn thuộc về bản thân. – Đề xuất phương án sửa: Nhà thơ đã dùng/ sử dụng trí tưởng tượng của mình để tái hiện bằng ngôn từ một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống. *e. Được sinh ra trong một gia đình tri thức, từ nhỏ, nhà văn X đã là một cậu bé say mê đọc sách.* – Lỗi dùng từ không đúng nghĩa: tri thức có nghĩa là "hiểu biết, kiến thức", trong khi đó, để chỉ một thành phần xã hội, ta phải dùng từ trí thức, tức những người có trình độ học vấn cao, làm việc trong những lĩnh vực liên quan đến tư tưởng và khoa học. – Đề xuất phương án sửa: Được sinh ra trong một gia đình trí thức, từ nhỏ, nhà văn X đã là một cậu bé say mê đọc sách. *g. Bài thơ "Mùa xuân chín" của Hàn Mặc Tử kết lại bằng hình ảnh của nhân vật trữ tình –* *người phụ nữ nhọc nhằn gánh thóc trên bãi cát trắng.* – Lỗi dùng từ không đúng nghĩa. Cũng như câu trên, câu văn mắc lỗi dùng thuật ngữ chưa chính xác. Hình ảnh người phụ nữ gánh thóc kết lại bài Mùa xuân chín chỉ là đối tượng khơi dậy cảm xúc của nhân vật trữ tình vốn được khách thể hoá thành hình tượng "khách xa" trong khổ thơ này. – Đề xuất phương án sửa: Bài thơ "Mùa xuân chín" của Hàn Mặc Tử kết lại bằng hình ảnh người phụ nữ nhọc nhằn gánh thóc trên bãi cát trắng. *h. Hình ảnh hoa triêu nhan vướng dây gàu khiến nhân vật trữ tình trong bài thơ của Chi-ô rất ư bất ngờ.* – Lỗi dùng từ không đúng phong cách khi đem ngôn ngữ nói có tính chất suồng sã, chưa chuẩn mực vào trong văn viết. – Đề xuất phương án sửa: Hình ảnh hoa triêu nhan vướng dây gàu khiến nhân vật trữ tình trong bài thơ của Chi-ô rất bất ngờ.

	Bài tập 2: Trường hợp nào dưới đây được xem là mắc lỗi về trật tự từ? Hãy đưa ra cách sửa lỗi cho trường hợp ấy. *a. Một bộ phận độc giả đông đảo đã không cảm nhận được cái mới ngay trong thơ Hàn Mặc Tử.* – Vị trí của từ ngay được đặt chưa hợp lí khiến người đọc có thể hiểu sai. Dựa vào những hiểu biết về văn học sử thì ý mà câu văn cần truyền đạt là thơ Hàn Mặc Tử có nhiều cái mới khiến nhiều độc giả không thể ngay lập tức cảm thụ được. Mặt khác, từ đông đảo cũng có thể đặt trước từ độc giả để nhấn mạnh hơn sự thách thức của cái mới trong thơ Hàn Mặc Tử đối với công chúng. – Đề xuất phương án sửa: Một bộ phận đông đảo độc giả đã không cảm nhận ngay được cái mới trong thơ Hàn Mặc Tử. *b. Là thể thơ ngắn nhất thế giới, hai-cư được xem như một "đặc sản" của văn chương Nhật Bản.* Câu văn không mắc lỗi về trật tự từ. *c. Nói chung, người đọc thơ trữ tình cần quan tâm đến mạch sự kiện hơn là mạch cảm xúc* *của bài thơ.* – Ở đây, lỗi trật tự từ, về bản chất, là lỗi kiến thức khi người viết không hiểu đúng bản chất của thơ trữ tình vốn nhấn mạnh cảm xúc hơn là sự kiện. – Đề xuất phương án sửa: Nói chung, người đọc thơ trữ tình cần quan tâm đến mạch cảm xúc hơn là mạch sự kiện của bài thơ. *d. Rất nhiều hình ảnh đời thường xuất hiện trong thơ hai-cư Nhật Bản.* Câu văn không mắc lỗi về trật tự từ. *e. Thơ Đường luật mặc dù chặt chẽ bố cục nhưng vẫn có những khoảng trống liên tưởng khơi gợi.* – Các từ ngữ chưa được đặt đúng vị trí theo quan hệ ngữ pháp, cặp quan hệ từ "mặc dù... nhưng" cũng có thể được sắp đặt lại để câu văn gọn và sáng ý hơn. – Đề xuất phương án sửa: Mặc dù bố cục thơ Đường luật chặt chẽ nhưng vẫn có những khoảng trống khơi gợi liên tưởng.

	g. Điều làm thích thú người đọc ở bài thơ này là cách độc đáo gieo vần. – Trật tự từ chưa hợp lí xét theo nguyên tắc ngữ pháp. – Đề xuất phương án sửa: Điều làm người đọc thích thú ở bài thơ này là cách gieo vần độc đáo. *h. Trong bài thơ "Tiếng thu", đóng vai trò quan trọng là các từ láy tượng thanh.* – Về hình thức, câu này có thể xét là không có lỗi trật tự từ. Tuy nhiên, cũng có thể sắp xếp lại trật tự từ trong câu để câu văn trở nên chỉn chu, chuẩn mực hơn. – Đề xuất phương án sửa: Trong bài thơ "Tiếng thu", các từ láy tượng thanh đóng vai trò quan trọng. *i. Nhà thơ cho phép thơ lãng mạn giải phóng cảm xúc của mình một cách rất phóng khoáng.* – Thơ lãng mạn là một trào lưu văn học bao trùm lên các nhà thơ, vì thế viết như câu trong bài là ngược về logic. – Đề xuất phương án sửa: Thơ lãng mạn cho phép nhà thơ giải phóng cảm xúc của mình một cách rất phóng khoáng.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG **a. Mục tiêu hoạt động:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ phát hiện và sửa các lỗi dùng từ trong đoạn văn viết kết nối đọc đã thực hiện **b. Nội dung thực hiện** HS vận dụng kiến thức đã học để sửa bài làm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** HS trình bày phần bài làm của mình **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	**HS dựa vào bài viết đã thực hiện để thực hành**

Tiết 19,20 . VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM THƠ

I.MỤC TIÊU

1.Năng lực

– HS viết được bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ, đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn.

+ Nêu khái quát về điểm đặc sắc, thú vị trong bài thơ – vấn đề sẽ được tập trung phân tích, đánh giá.

+ Làm sáng tỏ các khía cạnh cụ thể của điểm được xem là đặc sắc, thú vị trong bài thơ.

+ Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và khẳng định giá trị chung của bài thơ.

2.Phẩm chất: Tiếp tục nuôi dưỡng tình yêu đối với thơ ca.

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu học tập
- Bút màu, giấy A4, A0
- Máy chiếu

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Qua các nội dung luyện tập viết đoạn văn trình bày cảm nhận về nội dung yêu thích khi đọc hiểu các bài thơ, anh/chị rút ra được những điều gì cho cá nhân khi viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ?

+ Nêu các bước tạo lập một bài văn nghị luận

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:

– Viết bài văn phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ là công việc để thực hành và kiểm tra việc chiếm lĩnh các tri thức về thơ ca. Đây là kiểu bài văn nghị luận đòi hỏi người viết biết nhận diện, cảm thụ, đánh giá phương diện hình thức thẩm mĩ cũng như cảm xúc, suy tưởng được biểu đạt trong một tác phẩm thơ cụ thể.

2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Đọc – phân tích bài viết tham khảo

a) Mục tiêu: HV nhận biết cách trình bày bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ:

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo. Chú ý các thẻ hướng dẫn đọc. Trả lời các câu hỏi sau đọc **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hoạt động cá nhân và nhóm **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** HS trả lời câu hỏi. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	**1. Đọc – phân tích bài viết tham khảo** Một số lưu ý về viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ: + Để đánh giá một bài thơ về phương diện tình cảm, tư tưởng và thẩm mĩ, trước hết, phải đọc bài thơ, chú ý đến những yếu tố nổi bật về hình thức của bài thơ (ngôn từ, hình ảnh), cảm nhận âm hưởng của bài thơ bởi trong nghệ thuật, hình thức bao giờ cũng mang tính quan niệm. + Mặt khác, đặt bài thơ trong mối liên hệ với tác giả, với hoàn cảnh ra đời, với truyền thống văn hoá để có những so sánh, đối chiếu, kết nối, từ đó có thêm cơ sở để đánh giá bài thơ một cách thấu đáo chứ không chỉ là bình tán thiếu căn cứ. + Cách đọc bài thơ: có thể kết hợp việc đọc bài thơ theo trục ngang và trục dọc, tức là theo trình tự các khổ thơ và theo mạch liên kết các hình ảnh. Cách đọc này có thể giúp nhận ra tứ thơ – một trong những thách thức lớn nhất của việc thưởng thức thơ ca.

2.2. Thực hành viết bài

a) Mục tiêu: HV viết được bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập – Chọn bài thơ Xem lại các tri thức ngữ văn liên quan đến thơ được giới thiệu trong bài và nhớ lại từng bước trong quá trình đọc hiểu văn bản mà HS đã trải qua trong các buổi học trước để tự thực hành việc đọc bài thơ. Viết bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hoạt động cá nhân **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** HS báo cáo sản phẩm GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	**2. Viết bài** Tiến hành viết bài theo các bước: tìm ý tưởng, lập dàn ý và viết thành bài. Nội dung bài viết: chú ý phân tích cách tổ chức ngôn từ trong một bài thơ **3. Trả bài** Lưu ý thêm một số điểm mà giờ hướng dẫn viết chưa thể nhấn mạnh như các vấn đề về kĩ năng lập ý và diễn đạt của HS. Đánh dấu những điểm cần trao đổi với HS, những điểm cần sửa chữa, những điểm đáng ghi nhận của các bài viết. HS có những sữa chữa cần thiết theo yêu cầu.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Luyện tập viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ:

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

– HS lựa chọn 1 bài thơ

– Viết bài nghị luận phân tích một bài thơ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS làm bài viết ở nhà

Bước 3: Báo cáo kết quả

– HS nộp bài cho GV

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

– GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

TIẾT 21,22. NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Nói và nghe

Nói

- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.

Nghe

- Nghe và nắm bắt được nội dung truyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

Nói nghe tương tác

- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

***Tích hợp phát triển năng lực số:**

3.1.NC1a. HS sử dụng công nghệ số để thu thập và xử lí thông tin (Thông tin về tác phẩm, tác giả, nhận định)

3.2.NC1a. HS quản lí thông tin số và môi trường học tập số cá nhân (Tổ chức, sắp xếp tài liệu phục vụ thuyết trình)

2.1.NC1a. HS tương tác và chia sẻ thông tin số một cách phù hợp và có trách nhiệm (Chia sẻ bài thuyết trình, trao đổi, phản hồi)

2. Phẩm chất

- Tự tin thể hiện bản thân.
- Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, clip, bảng kiểm, phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5 phút)

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS xem clip giới thiệu, đánh giá về "Mùa xuân chín" – Hàn Mặc Tử của Chu Văn Sơn

https://www.youtube.com/watch?v=jtbZOs5xrN0&t=29s

Từ đó thử rút ra kinh nghiệm nói bằng cách trả lời nhanh các câu hỏi:

Phiếu trả lời nhanh

Clip trên có sự tương tác với người nghe không?	
Nội dung clip là gì?	
Clip hướng trọng tâm vào vấn đề gì?	
Nhận xét về ngôn từ được sử dụng trong clip?	
Phần bình và phần đọc thơ làm dẫn chứng có khác nhau về giọng điệu không?	
Hình ảnh có phù hợp với bài nói không?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV động viên, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV trình chiếu một số phiếu trả lời nhanh
- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

➔**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: Những kinh nghiệm về kĩ năng nói và nghe mà các em đã được học trong bài học 1 sẽ tiếp tục được củng cố trong tiết học hôm nay khi các em học cách trình bày một bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(... phút)

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu chung của việc giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp/nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ: **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Để giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ, các em cần thực hiện những yêu cầu gì? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**	**I. Tìm hiểu các yêu cầu của bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ** **1.** Cung cấp được các thông tin chung về bài thơ một cách ngắn gọn: tên bài thơ, tác giả, đề tài, thể thơ,… **2.** Làm rõ được niềm hứng thú của bản thân đối với những nét đặc sắc về nội dung và hình thức của một tác phẩm thơ. **3.** Nêu lên quan điểm cá nhân về vấn đề thuyết trình, thuyết phục được người nghe và đặt câu hỏi để mời gọi những thảo luận xa hơn. **4.** Thể hiện được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ.

Hoạt động 2.2: Thực hành nói và nghe

a. Mục tiêu: HS thực hành kĩ năng nói và nghe: giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

b. Nội dung:

- HS xác định được các bước thuyết trình và trình bày được sản phẩm bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

- Biết lắng nghe phần thuyết trình của bạn khác.

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1: Em hãy giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm "Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử.

Bài tập 2: Em hãy giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm "Mùa xuân xanh" của Nguyễn Bính.

***GV hướng dẫn HS tìm hiểu các bước của bài thực hành nói và nghe:** Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

TRƯỚC KHI NÓI **a. Mục tiêu:** HS nắm được quy trình của bài nói và nghe, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp. **b. Nội dung:** HS tìm hiểu phần chuẩn bị nói và chuẩn bị nghe.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ***Thao tác 1: Chuẩn bị** **? Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**: - Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì? - Người nghe là ai? - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói? - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Em dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào? - Nếu bài nói là sản phẩm của nhóm thì các thành viên thảo luận để thống nhất về nội dung trình bày; có thể phân chia nội dung bài nói (nhiều người cùng tham gia). - Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** - HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ. **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:** - GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị thuyết trình. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng. ***Tích hợp phát triển năng lực số:** *3.1.NC1a Sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, thư viện số,...) để tìm tài liệu, hình ảnh, video minh họa về tác phẩm, tác giả; chọn lọc thông tin đáng tin cậy.* *3.2.NC1a Tạo thư mục hoặc sử dụng công cụ đám mây (Google Drive, Onedrive) để lưu trữ, phân loại các slide trình chiếu, hình ảnh, văn bản nghiên cứu một cách khoa học. Sử dụng ứng dụng nhắc nhở để quản lý thời gian chuẩn bị bài.* **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: **Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì?** **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**	**II. Thực hành nói và nghe** **<u>Bước 1. Chuẩn bị</u>** **1. Chuẩn bị nói:** **a. Lựa chọn đề tài:** - Vấn đề thuyết trình: giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ ("Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử hoặc "Mùa xuân xanh" của Nguyễn Bính.) - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp. - Không gian: lớp học - Thời gian: khoảng 3- 5 phút - Hình thức thuyết trình: lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê,.. (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn. - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với nội dung thuyết trình. - Chuẩn bị nội dung trình bày: + Xem lại dàn ý và bài viết đã hoàn thành ở phần Viết. Chỉnh sửa bài viết thành văn bản phù hợp để nói trong buổi học. + Tập đọc diễn cảm bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" (hoặc "Mùa xuân xanh") để làm dẫn chứng. **b. Tìm ý và sắp xếp ý:** Xem lại hệ thống luận điểm ở bài viết, lựa chọn những ý quan trọng nhất, thể hiện rõ nét quan điểm và phát hiện của bản thân cần được trình bày trong bài nói. **c. Xác định từ ngữ then chốt:** Cần ghi nhớ những từ ngữ quan trọng đã được dùng trong bài viết nhằm phân tích một điểm sáng nào đó ở bài thơ. **d. Phương tiện hỗ trợ:** - Chuẩn bị bài trình chiếu PowerPoit với các thông tin chắt lọc (có thể triển khai các luận điểm thành gạch đầu dòng, dùng các ký hiệu để nhấn mạnh những từ ngữ trọng tâm đã được xác định ở trên), cần cân nhắc về số lượng slide sử dụng. Có thể sử dụng các kênh âm thanh, kênh hình ảnh (Lưu ý: hình ảnh cần phải tương thích với bài thơ đã chọn). - Người nói cũng có thể chuẩn bị văn bản tác phẩm thơ sẽ thuyết trình để cung cấp cho người nghe trước khi trình bày bài nói. **2. Chuẩn bị nghe:** - Tìm hiểu trước về tác phẩm hoặc các tác phẩm thơ sẽ được thuyết trình, xem lại những tri thức ngữ văn có liên quan, đọc các tài liệu mà người nói có thể đã chuẩn bị và cung cấp. - Chuẩn bị tâm thế lắng nghe và xác định các vấn đề chủ yếu cần đối thoại với người nói: những từ ngữ, hình ảnh nên được

- HS trả lời cá nhân

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:

- GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị nghe.
- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.

***Thao tác 2: Lập dàn ý bài "Đây thôn Vĩ Dạ" (Hàn Mặc Tử" và "Mùa xuân xanh" (Nguyễn Bính)**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

? Hãy tìm ý và sắp xếp ý cho bài thuyết trình (bài tập 1 và bài tập 2)

(Dựa vào cách tìm ý và lập dàn ý của nội dung Viết đã học tiết trước).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý cho bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

"Đây thôn Vĩ Dạ" – Hàn Mặc Tử

Lí do lựa chọn "Đây thôn Vĩ Dạ"	……
Ý nghĩa nhan đề bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ"	……
Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình	……
Vẻ đẹp của hình tượng thơ	…….
Tính độc đáo của các phương tiện ngôn từ	……
Nét hấp dẫn của bài thơ so với một số tác phẩm khác	……

"**Mùa xuân xanh"- Nguyễn Bính**

Lí do lựa chọn "Mùa xuân xanh"	……
Ý nghĩa nhan đề bài thơ "Mùa xuân xanh"	……
Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình	……
Vẻ đẹp của hình tượng thơ	……
Tính độc đáo của các	……

chú ý phân tích, cách sử dụng thao tác phân tích,…

Bước 2. Lập dàn ý bài "Đây thôn Vĩ Dạ" (Hàn Mặc Tử" và "Mùa xuân xanh" (Nguyễn Bính)

Lưu ý: HS xem lại ở phần Viết và bổ sung, chỉnh sửa dàn ý theo bảng gợi ý cho phù hợp với bài thuyết trình.

"Đây thôn Vĩ Dạ" – Hàn Mặc Tử

Lí do lựa chọn "Đây thôn Vĩ Dạ"	……
Ý nghĩa nhan đề bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ"	……
Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình	……
Vẻ đẹp của hình tượng thơ	……
Tính độc đáo của các phương tiện ngôn từ	……
Nét hấp dẫn của bài thơ so với một số tác phẩm khác	……

"Mùa xuân xanh" – Nguyễn Bính

Lí do lựa chọn "Mùa xuân xanh"	……
Ý nghĩa nhan đề bài thơ "Mùa xuân xanh"	……
Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình	……
Vẻ đẹp của hình tượng thơ	……
Tính độc đáo của các phương tiện ngôn từ	……
Nét hấp dẫn của bài thơ so với một số tác phẩm khác	……

phương tiện ngôn từ	
Nét hấp dẫn của bài thơ so với một số tác phẩm khác	…..

- Sau khi lập dàn ý xong, HS có thể tập thuyết trình trước bằng cách:
+ Đứng trước gương để tập thuyết trình (nếu chuẩn bị ở nhà)
Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói.
Em có thể nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.
+ Tập thuyết trình bài nói cho bạn bên cạnh nghe, góp ý lẫn nhau.

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

TRÌNH BÀY BÀI NÓI

a. Mục tiêu: Biết cách, tự tin giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã lập dàn ý xong.

c. Sản phẩm: Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bảng kiểm đánh giá bài nói: Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

Người thuyết trình:……..

Người nhận xét:……

TIÊU CHÍ	**Chưa đạt (0 điểm)**	**Đạt (1 điểm)**	**Tốt (2 điểm)**
1. Nội dung bài thuyết trình đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục	Nội dung sơ sài, chưa nêu được đầy đủ các ý làm sáng tỏ vấn đề cho người nghe hiểu.	Nêu được đầy đủ các ý để người nghe hiểu được vấn đề.	Các ý đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục, có quan điểm, suy nghĩ mới mẻ.
2. Phong thái tự tin	Không tự tin, rụt rè.	Đã mạnh dạn trình bày bài nói nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên,	Tương tác, giao lưu tốt với người nghe.

		thiếu tương tác với người nghe.	
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng
4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ: yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) kết hợp hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,…phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng.
Tổng: ...../10 điểm			

***Thao tác 3: Thực hành nói và nghe**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS về yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể, những chú ý khi thuyết trình và lắng nghe sản phẩm.

- GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần thuyết trình của các HS trong lớp và ý kiến nhận xét của các bạn khác.
- Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào **bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình** cho bạn (mẫu phía trên)
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

***Tích hợp phát triển năng lực số:**

2.1.NC1a Sử dụng các ứng dụng trình chiếu (PowerPoint, Google Slides, Canva) để thiết kế bài thuyết trình; sử dụng Email/phần mềm học tập để gửi bài cho giáo viên hoặc chia sẻ với nhóm; sử dụng tính năng bình luận/chat để trao

Bước 3: Thực hành nói và nghe

***Yêu cầu chung:**

- Người nói:

+ Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị.

+ Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,…); đảm bảo thời gian quy định.

+ Đảm bảo sự thống nhất giữa giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về vấn đề thảo luận,…

+ Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có).

- Người nghe:

+ Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài thuyết trình, những nội dung cần trao đổi thêm.

+Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.

+ Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình.

*** Yêu cầu chung cụ thể:**

- **Người nói:**

- Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, có thể sử dụng nhiều cách dẫn dắt khác nhau để tạo không khí cho giờ học.

+ Ví dụ, với bài thơ "Mùa xuân xanh", có thể đặt câu hỏi cho người nghe như: "Mùa xuân là nguồn cảm hứng muôn thuở của thi ca. Có lẽ nhà thơ nào cũng ít nhất một lần từng viết về

đổi, đặt câu hỏi một cách văn minh, lịch sự.	mùa xuân. Trong thơ ca Việt Nam, các bạn có biết nhà thơ nào viết nhiều nhất về mùa xuân không? + Đây không phải là yêu cầu bắt buộc nhưng để tránh việc nói mà như đọc, người nói cần khơi gợi được sự tương tác từ người nghe. **Lưu ý:** Có thể chỉ cần chọn một phương diện nào đó về tư tưởng, tình cảm hoặc hình thức nghệ thuật của bài thơ mà mình thấy tâm đắc để thuyết trình. - **<u>Triển khai:</u> Trình bày lần lượt các thông tin có trong bài viết theo hình thức tóm lược, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu PowerPoint (nếu có).** + Dành nhiều thời gian hơn để nói về những giá trị nổi bật của bài thơ mà mình đã cảm nhận được. + Nên nhấn mạnh các thao tác mình đã sử dụng để phát hiện giá trị thẩm mĩ hay tư tưởng trong bài thơ (liên tưởng, đối lập). + Với bài thuyết trình về bài thơ "Mùa xuân xanh", cần nhấn mạnh đến các phương diện: (1) Nhan đề; (2) Mạch thơ; (3) Nhịp điệu; (4) "Mùa xuân xanh": truyền thống và hiện đại. Có thể coi đây là các mục lớn để thiết kế slide trong trường hợp người thuyết trình sử dụng phương tiện trình chiếu. - **<u>Kết luận:</u>** Khái quát lại những điều mình cảm nhận cũng như đánh giá về giá trị của bài thơ trên các phương diện hình thức và nội dung. Có thể kết bài bằng những câu khuyến khích người nghe chia sẻ những góc nhìn khác, phát hiện khác về bài thơ. • **Người nghe:** Trong khi nghe bạn thuyết trình, cần: - Có thái độ tôn trọng, đặc biệt quan tâm đến cảm xúc của người thuyết trình. - Ghi chép những ý tưởng trong bài thuyết trình đã khiến mình thực sự thấy hứng thú, những điểm bạn còn băn khoăn, muốn trao đổi. - Chú ý đến phong thái của người thuyết trình (ví dụ: sự tự tin, khả năng điều tiết giọng nói, ngôn ngữ, cử chỉ,…)
TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN VỀ BÀI NÓI **a. Mục tiêu:** HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói thuyết trình trước tập thể **b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi cá nhân. **c. Sản phẩm:** Bảng kiểm đánh giá (tự đánh giá) bài nói, nghe . **d. Tổ chức thực hiện:**	
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Còn những HS khác	**III. Trao đổi, thảo luận** **1. Người nghe** - Chia sẻ những điểm bạn thấy hợp lý và hấp dẫn trong bài thuyết trình.

lắng nghe, quan sát, theo dõi vào bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn

- HS cả lớp tự đánh giá kĩ năng nói và kĩ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý SGK tr.70.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

- Nêu những điểm còn gây băn khoăn ở bài thuyết trình; góp ý, bổ sung một số nội dung giúp bài nói hoàn thiện hơn. Có thể dựa vào những tri thức ngữ văn trong bài để trao đổi về nội dung và các thao tác phân tích của người nói.
- Đưa ra góc nhìn khác hay cách cảm thụ khác của mình đối với bài thơ.
- Có thể đặt một số câu hỏi để người nói chia sẻ thêm những cảm xúc về bài thơ.

2. Người nói

- Trả lời những thắc mắc từ phía người nghe.
- Thể hiện thái độ tiếp thu chân thành đối với những góp ý xác đáng, nghiêm túc.
- Tự đánh giá phần trình bày của mình và chia sẻ thêm về cách trình bày đã lựa chọn.
- Phản hồi và trao đổi với các ý kiến khác với tinh thần tôn trọng và cầu thị.

Lưu ý: Cả người nói và người nghe cùng bổ sung những yêu cầu phải đảm bảo khi giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm thơ.

Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá về bài trình bày

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn được tác phẩm thơ phù hợp để thực hiện yêu cầu giới thiệu, đánh giá.		
2	Nêu được phương diện cần tập trung giới thiệu, đánh giá tác phẩm thơ đã chọn.		
3	Xây dựng được bố cục hợp lý cho bài thuyết trình căn cứ vào đặc điểm của tác phẩm thơ và mục tiêu thuyết trình.		
4	Chú ý đặc trưng của thể loại thơ khi tạo điểm nhấn cho bài thuyết trình.		
5	Phát huy được ưu thế tác động của tác phẩm thơ khi thực hiện việc tương tác với người nghe.		
6	Sử dụng có hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ.		

Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân

Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói	Đạt/ chưa đạt
- Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:	

+ Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?	
+ Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ… có phù hợp không?	
+ Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào?	
- Đánh giá chung:	
+ Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì?	
+ Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó?	

Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:

Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	**Đạt/ chưa đạt**
- Kiểm tra kết quả nghe:	
+ Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?	
+ Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ của bạn?	
- Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:	
+ Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?	
+ Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?	

3. HOẠT ĐỘNG 3: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 2)

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập cho HS.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

1. Qua bài học này, theo bạn những điều gì làm nên vẻ đẹp của thơ ca?

2. Thảo luận nhóm về một trong các chủ đề: (1) *Tại sao nên đọc thơ?* (2) *Thế nào là một bài thơ hay?*

3. Đọc lại tất cả các tác phẩm thơ đã học trong bài. Sưu tầm, tập hợp một số bài thơ khác cùng thể thơ hoặc cùng đề tài và ghi chép ngắn gọn những điều bạn tâm đắc khi đọc những bài thơ đó.

4. Tìm đọc thêm một số bài phân tích thơ, từ đó rút ra những kinh nghiệm về cảm nhận và phân tích thơ ca.

5. Hãy phân tích một bài thơ được bạn đánh giá là hay (ngoài bài đã được phân tích trong phần Viết của bài học).

Phiếu học tập

Những biểu hiện của vẻ đẹp của thơ ca	
Thế nào là một bài thơ hay	
Kể tên những bài thơ bạn đã đọc và yêu thích	
Một số kinh nghiệm cảm nhận và phân tích thơ ca	

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: GV giao nhiệm vụ:
- HS hoàn thành phiếu học tập
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:
- Thảo luận theo cặp: hoàn thành phiếu học tập
Bước 3: HS báo cáo sản phẩm, thảo luận.
HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.
Bước 4: Đánh giá sản phẩm bằng điểm.
GV chốt kiến thức
</td><td>
Phiếu học tập
<table>
<tr><td>Những biểu hiện của vẻ đẹp của thơ ca</td><td>- Vẻ đẹp của mạch cảm xúc nhân vật trữ tình
- Vẻ đẹp của những hình tượng thơ
- Vẻ đẹp của các phương tiện ngôn ngữ</td></tr>
<tr><td>Thế nào là một bài thơ hay</td><td>- Có sự độc đáo trong tổ chức hình tượng
- Mới lạ trong sắp xếp dòng mạch cảm xúc
- Tinh tế tài hoa trong điều khiển các phương tiện ngôn ngữ</td></tr>
<tr><td>Kể tên những bài thơ bạn đã đọc và yêu thích</td><td>- Thơ hai- cư Nhật Bản?
- Thơ Đường Trung Quốc hoặc Việt Nam?
- Thơ mới Việt Nam?</td></tr>
<tr><td>Một số kinh nghiệm cảm nhận và phân tích thơ ca</td><td>- Đi từ các tín hiệu thẩm mĩ để làm bật ra nội dung
- Biết lựa chọn những yếu tố đặc sắc nhất để đi sâu</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (CẢ BÀI HỌC 2)

a. Mục tiêu:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung:

HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

DẠY HỌC DỰ ÁN:

GV chia lớp thành 4 nhóm với các nhiệm vụ sau:

- Nhóm 1: Nhóm Hoạ sĩ (PP phòng tranh)

Yêu cầu: Triển lãm phòng tranh các bức tranh vẽ minh hoạ vẻ đẹp của Thơ mới (qua thơ Hàn Mặc Tử, thơ Nguyễn Bính,...) (vẽ tối thiểu 2 bức tranh)

- Nhóm 2, 3: Nhóm Phóng viên:

Yêu cầu:

+ Nhóm 2: Làm video giới thiệu về các nhà thơ hai-cư nổi tiếng của Nhật Bản.

+ Nhóm 3: Làm video giới thiệu về các nhà thơ thời Đường nổi tiếng của Trung Quốc.

Video cần cung cấp các thông tin khái quát về cuộc đời, sự nghiệp, một số sáng tác tiêu biểu của tác giả. Mỗi video nghiên cứu về tối thiểu 03 tác giả theo yêu cầu.

- Nhóm 4: **Nhóm sưu tầm, biên soạn:** Những bài phân tích, đánh giá các tác phẩm thơ (thơ hai –cư Nhật Bản, thơ Đường Trung Quốc hoặc Việt Nam và Thơ mới Việt Nam)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập dự án.
- HS truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo thông tin về các tác giả, tác phẩm.
- Cần chú ý đến tính chính xác của các nguồn tư liệu tham khảo.
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.
- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Hướng dẫn học ở nhà:

1. Truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo thông tin về các tác giả, tác phẩm đã học để rèn luyện tiếp kĩ năng nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.

- Chọn lọc và thu thập các tư liệu: bài viết, tranh ảnh, video,… liên quan đến bài học.
- Đánh giá tư liệu (các thông tin này đã đầy đủ, chính xác và phù hợp chưa? Thông tin có liên quan đến đề tài của bài học không?)

2. Tìm đọc thêm một số bài thơ hai-cư Nhật Bản, thơ của Đỗ Phủ và các nhà thơ Đường Trung Quốc, Việt Nam, thơ Hàn Mặc Tử và các nhà Thơ mới,… có cùng đề tài với các bài thơ đã học.

3. Chuẩn bị bài 3: Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY

.....

.....

..... **PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH**

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu hs sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, thư viện số,...) để tìm tài liệu, hình ảnh, video minh họa về tác phẩm, tác giả; chọn lọc thông tin đáng tin cậy.	3.1.NC1a. HS sử dụng công nghệ số để thu thập và xử lí thông tin (Thông tin về tác phẩm, tác giả, nhận định)
2	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu hs tạo thư mục hoặc sử dụng công cụ đám mây (Google Drive, Onedrive) để lưu trữ, phân loại các slide trình chiếu, hình ảnh, văn bản nghiên cứu một cách khoa học.	3.2.NC1a. HS quản lí thông tin số và môi trường học tập số cá nhân (Tổ chức, sắp xếp tài liệu phục vụ thuyết trình)
3	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu HS Sử dụng các ứng dụng trình chiếu (PowerPoint, Google Slides, Canva) để thiết kế bài thuyết trình; sử dụng Email/phần mềm học tập để gửi bài cho giáo viên hoặc chia sẻ với nhóm; sử dụng tính năng bình luận/chat để trao đổi, đặt câu hỏi một cách văn minh, lịch sự.	2.1.NC1a. HS tương tác và chia sẻ thông tin số một cách phù hợp và có trách nhiệm (Chia sẻ bài thuyết trình, trao đổi, phản hồi)